

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TD  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 06 – 9 - 2024  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Hạnh

Bà Trần Thị Kim Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Mậu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thanh C**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: **Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.**

2. Bị đơn: Anh **Đoàn Văn S**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: **Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị **Phạm Thị Thanh C** trình bày: Chị kết hôn với anh **Đoàn Văn S** ngày 31/3/2009, trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh S tại xã A được khoảng 01 năm thì vợ chồng về chung sống với mẹ đẻ của chị tại thị trấn H, huyện T. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, anh S thường xuyên ghen tuông vô cớ nên vợ chồng nhiều

lần xảy ra xô xát. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng căng thẳng, vợ chồng tuy ở chung một nhà, nhưng anh S thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi về. Mỗi lần anh S về thì vợ chồng lại cãi chửi nhau. Chị đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn với anh S, nhưng do gia đình động viên, bản thân chị thấy thương các con còn nhỏ nên đã rút đơn để cho anh S có cơ hội sửa chữa. Tuy nhiên đến nay, anh S vẫn không thay đổi. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Đoàn Thị Thanh T, sinh ngày 26/01/2010 và cháu Đoàn Nhất T1, sinh ngày 18/10/2011. Hiện nay, 02 con đang ở cùng với chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, chị đang buôn bán tại chợ M thuộc thị trấn H, huyện T, có thu nhập trung bình khoảng 8.000.000đ/tháng và ở cùng nhà với mẹ đẻ của chị tại tổ dân phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Còn anh S làm thợ xây, thu nhập hàng tháng bao nhiêu thì chị không rõ, nhưng anh S ít khi đưa tiền để chị chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình; đối với chi phí ăn, học của các con chị là người trực tiếp lo cho các con.

Về tài sản, công nợ và công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với bị đơn anh Đoàn Văn S, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S; tuy nhiên anh S không tới Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Tại phiên tòa, anh S vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thanh C, cho chị C được ly hôn anh Đoàn Văn S. Về con chung, chị Phạm Thị Thanh C được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Đoàn Thị Thanh T và cháu Đoàn Nhất T1; do chị C không yêu cầu nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Thanh C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đoàn Văn S và giải quyết về con chung; anh Đoàn Văn S có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện Tam Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn anh **Đoàn Văn S**: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh **S** đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nhưng anh **S** đều vắng mặt. Tại phiên tòa, anh **S** vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **S**.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị Thanh C** và anh **Đoàn Văn S** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị **C** và anh **S** là hợp pháp. Quá trình chung sống do chị **C** và anh **S** bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xô xát; mặc dù qua trình bày của chị **C** cho thấy chị **C** và anh **S** không sống ly thân, nhưng vợ chồng không còn sự quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã **A** và lấy lời khai của bà **Bùi Thị D** là mẹ đẻ của anh **S**, thể hiện anh **S** có hộ khẩu và vẫn thường xuyên có mặt tại thôn **N**, xã **A**, huyện **T**, tỉnh **Vĩnh Phúc**. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để anh **S** đến Tòa án làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh **S** đều vắng mặt không có lý do; điều đó chứng tỏ anh **S** không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị **C**; đối với chị **C**, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị **C** giữ nguyên quan điểm khởi kiện và kiên quyết xin ly hôn anh **S**. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị **C** và anh **S** đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **C** đề nghị được ly hôn với anh **S** là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị **C** và anh **S** có 02 con chung là cháu **Đoàn Thị Thanh T**, sinh ngày 26/01/2010 và cháu **Đoàn Nhất T1**, sinh ngày 18/10/2011. Hiện nay, 02 cháu đang ở với chị **C**. Ly hôn, chị **C** đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh **S** phải cấp dưỡng nuôi con; anh **S** không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị **C** là chính đáng, chị **C** có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định. Quá trình giải quyết vụ án, cháu **T** và cháu **T1** đều có nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt và cũng là nguyện vọng của các cháu; cần chấp nhận yêu cầu của chị **C** được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu **T** và cháu **T1** là phù hợp. Do chị **C** không yêu cầu nên anh **S** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản, công nợ và công sức: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **Phạm Thị Thanh C** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị **Phạm Thị Thanh C** được ly hôn anh **Đoàn Văn S**.

2. Về con chung: Chị **Phạm Thị Thanh C** được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Đoàn Thị Thanh T**, sinh ngày 26/01/2010 và cháu **Đoàn Nhất T1**, sinh ngày 18/10/2011. Anh **Đoàn Văn S** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

3. Về án phí: Chị **Phạm Thị Thanh C** phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006967 ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; Chị **C** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Thị Thu Hạnh**